

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng
đối với viên chức quản lý Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Quận 10

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 10

- Căn cứ Nghị định số 51/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về Quy định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc hoặc Phó Giám đốc, Kế toán trưởng trong Công ty TNHH Một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;

- Căn cứ Thông tư 19/2013/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội ngày 09/9/2013 về hướng dẫn thực hiện chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc hoặc Phó Giám đốc, Kế toán trưởng trong Công ty TNHH Một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;

- Căn cứ Quyết định số 2887/QĐ-UBND ngày 05/7/2010 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt Đề án chuyển đổi Công ty Dịch vụ đô thị và Quản lý nhà Quận 10 thành Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên;

- Căn cứ Quyết định số 22/QĐ-UBND-TC ngày 06/3/2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về bổ nhiệm Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận 10;

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty được quy định tại Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận 10;

- Xét đề nghị của Trưởng Phòng Tổ chức - HCQT Công ty,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bản Quy chế về tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với viên chức quản lý Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận 10.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng Phòng Tổ chức - HCQT, Trưởng Phòng Kế toán - Tài vụ và Trưởng các phòng ban, đơn vị trực thuộc Công ty chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- HĐV Cty;
- BGĐ; KSV;
- Lưu TCHC.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN



Nguyễn Quốc Phương

QUY CHẾ

TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO, TIỀN THƯỜNG ĐỐI VỚI VIÊN CHỨC QUẢN LÝ CÔNG TY

(Ban hành kèm theo Quyết định số 728 /QĐ- CTY ngày 23/7 /2015 của Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Quận 10)

CHƯƠNG I CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Căn cứ Bộ Luật Lao động ngày 18 tháng 6 năm 2012;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 29 tháng 11 năm 2005;
- Căn cứ Nghị định số 51/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về Quy định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc hoặc Phó Giám đốc, Kế toán trưởng trong Công ty TNHH Một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;
- Căn cứ Thông tư 19/2013/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội ngày 09/9/2013 về hướng dẫn thực hiện chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc hoặc Phó Giám đốc, Kế toán trưởng trong Công ty TNHH Một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu,

CHƯƠNG II QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

- Quy chế này quy định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với viên chức quản lý Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Dịch Vụ Công ích Quận 10.
- Đối tượng viên chức quản lý công ty gồm: Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Kiểm soát viên.

Điều 2. Giải thích từ ngữ các cụm từ viết tắt

Các từ ngữ hoặc cụm từ trong quy chế này được hiểu như sau:

- Công ty là Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận 10.
- Chủ tịch là Chủ tịch Hội đồng thành viên.
- Ban quản lý điều hành Công ty bao gồm thành viên Hội đồng thành viên, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và Kiểm soát viên.

Điều 3. Nguyên tắc chung và cách thức xác định tổng quỹ lương viên chức quản lý

1. Việc xác định tổng quỹ lương của viên chức quản lý Công ty được xác định theo Khoản 1 Điều 9 Thông tư 19/2013/TT-BLĐTBXH ngày 09/9/2013 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội theo công thức sau:

$$V_{thqlct} = L_{qlct} \times TL_{bqth} \times 12$$

Trong đó:

- V_{thqlct} : Quỹ lương thực hiện của viên chức quản lý chuyên trách
- L_{qlct} : Số viên chức quản lý chuyên trách thực tế bình quân theo tháng.
- TL_{bqth} : Mức tiền lương bình quân thực hiện của viên chức quản lý chuyên trách, được xác định theo quy định tại Khoản 2 Điều 9 Thông tư số 19/2013/TT-BLĐTBXH ngày 09/9/2013 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.
- **12**: Số tháng trong năm, trường hợp công ty mới thành lập thì tính theo tổng số tháng thực tế hoạt động.

2. Quỹ tiền lương, thù lao của viên chức quản lý được xác định theo năm, hàng tháng được tạm ứng bằng 80% của quỹ lương kế hoạch cho tháng đó; 20% còn lại được quyết toán và chi trả vào cuối năm. Riêng tiền lương, thù lao của Kiểm soát viên phải trích nộp cho chủ sở hữu (hoặc Sở Tài chính) để chi trả cho Kiểm soát viên.

3. Điều chỉnh quỹ lương theo kết quả sản xuất kinh doanh:

Mức tiền lương bình quân thực hiện được xác định trên cơ sở mức lương cơ bản bình quân theo tháng, gắn với mức tăng (hoặc giảm) các chỉ tiêu sản xuất, kinh doanh thực hiện trong năm so với thực hiện của năm trước liền kề như sau:

a. Bảo đảm đủ các điều kiện: Bảo toàn và phát triển vốn nhà nước, nộp ngân sách theo quy định; lợi nhuận thực hiện trong năm cao hơn lợi nhuận thực hiện của năm trước liền kề và năng suất lao động bình quân không giảm so với thực hiện của năm trước liền kề thì mức tiền lương bình quân thực hiện theo Mục a Khoản 2 Điều 9 Thông tư 19/2013/TT-BLĐTBXH.

b. Lợi nhuận thực hiện trong năm thấp hơn lợi nhuận thực hiện của năm trước liền kề thì mức lương bình quân thực hiện được xác định theo Mục b Khoản 2 Điều 9 Thông tư 19/2013/TT-BLĐTBXH.

c. Lợi nhuận âm (lỗ) thì mức lương bình quân thực hiện bằng mức tiền lương bình quân theo chế độ quy định tại Khoản 1 Điều 3 Thông tư số 19/2013/TT-BLĐTBXH.

- Xác định mức tiền lương bình quân thực hiện từ năm 2014 trở đi nếu bảo đảm các điều kiện bảo toàn phát triển vốn nhà nước, nộp ngân sách theo quy định, lợi nhuận thực hiện cao hơn hoặc bằng lợi nhuận thực hiện của năm trước liền kề hoặc khối lượng sản phẩm, dịch vụ, nhiệm vụ thực hiện không thấp hơn so với thực hiện của năm trước liền kề mà mức lương bình quân thực hiện thấp hơn mức tiền lương bình quân thực hiện của năm trước liền kề thì được tính bằng mức tiền lương bình quân thực hiện của năm trước liền kề.

- Căn cứ quỹ lương đã tạm ứng, công ty xác định số còn lại được hưởng. Trường hợp chi vượt quỹ tiền lương được hưởng thì phải hoàn trả phần đã chi vượt ngay trong năm. Đối với khoản tiền lương còn lại của Kiểm soát viên đã trích chuyển vượt cho chủ sở hữu và chủ sở hữu phải hoàn trả cho công ty trong năm.

CHƯƠNG III

PHÂN PHỐI QUỸ TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO, TIỀN THƯỞNG

Điều 4. Nguồn hình thành và cách phân phối Quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng

1. Quỹ tiền lương:

- Được xác định theo Khoản 1 Điều 7 Thông tư 19/2013/TT-BLĐTBXH: “*Tiền lương đối với viên chức quản lý chuyên trách được xác định và trả lương gắn với hiệu quả sản xuất, kinh doanh, kết quả quản lý, điều hành hoặc kiểm soát và có không chế mức hưởng tối đa*”. Đồng thời, căn cứ vào kết quả xếp loại doanh nghiệp Nhà nước hàng năm của chủ sở hữu đối với Công ty.
- Quỹ tiền lương của viên chức quản lý công ty do công ty xây dựng và trình chủ sở hữu trước khi thực hiện.
- Quỹ tiền lương của viên chức quản lý công ty được tách riêng, không tính trong đơn giá tiền lương, nhưng được hạch toán vào giá thành hoặc chi phí kinh doanh và được thể hiện thành một mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của công ty.
- Quỹ tiền lương tính theo từng chức danh và mức lương cơ bản tại Phụ lục 02 Nghị định 51/2013/NĐ-CP:

Tiền lương cơ bản viên chức quản lý = mức lương cơ bản theo từng chức danh, tương ứng hạng công ty (các khoản phải nộp và đóng góp theo chế độ + mức lương cơ bản còn được lĩnh).

2. Quỹ thù lao:

Được xác định theo Khoản 1 Điều 10 Thông tư 19/2013/TT-BLĐTBXH và tỷ lệ thù lao xác định theo Khoản 2 điều 7 Thông tư 19/2013/TT-BLĐTBXH như sau: “*Thù lao đối với viên chức quản lý không chuyên trách tính theo công việc và thời gian làm việc và theo chức danh không chuyên trách, mức thù lao do công ty xác định nhưng không vượt quá 20% tiền lương của viên chức quản lý tương ứng*”.

Cụ thể: ví dụ doanh nghiệp hạng II được tính như sau:

- Thành viên Hội đồng thành viên không chuyên trách thì thù lao tối đa = 21 triệu đồng x 20% = 4, 2 triệu đồng. Tuy nhiên có điều kiện như sau:
 - + Giám đốc kiêm Thành viên Hội đồng thành viên thì (lương , thù lao) như sau = lương giám đốc + thù lao <= lương cơ bản Chủ tịch Hội đồng thành viên.
 - + Kế toán trưởng kiêm Thành viên Hội đồng thành viên thì (lương, thù lao) như sau = lương cơ bản Kế toán trưởng + thù lao <= lương cơ bản Phó giám đốc.

3. Quỹ tiền thưởng:

- Được xác định theo Khoản 5 Điều 7 Thông tư 19/2013/TT-BLĐTBXH: “*Tiền thưởng của viên chức quản lý được xác định theo năm tương ứng với hiệu quả sản xuất, kinh doanh, kết quả quản lý, điều hành hoặc kiểm soát, được trả một phần vào cuối năm, phần còn lại được trả sau khi kết thúc nhiệm kỳ*”. Đồng thời, căn cứ vào kết quả xếp loại doanh nghiệp Nhà nước hàng năm của chủ sở hữu đối với Công ty.

- Quỹ tiền thưởng hàng năm của thành viên Hội đồng thành viên, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Kiểm soát viên gồm quỹ thưởng viên chức quản lý thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính ban hành Thông tư 220/2013 tại Khoản 1 Điều 18, Khoản c Điều 38, Khoản 5 Điều 39 Nghị định 71/2013/NĐ-CP của Chính phủ. Vào cuối năm tài chính, quỹ thưởng được tạm trích theo kết quả hoạt động kinh doanh và mức trích theo quy định hiện hành.

- Phân phối quỹ tiền thưởng trên cơ sở theo mức lương cơ bản từng thành viên theo Phụ lục II Nghị định 51/2013/NĐ-CP. Hàng năm được trích 90% để thưởng cuối năm gắn với hiệu quả sản xuất, kinh doanh và các tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với viên chức quản lý theo quy định của Chính phủ về giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động, công khai thông tin tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước làm chủ sở hữu, hướng dẫn của Bộ Tài chính và quy chế thưởng đối với viên chức quản lý của Công ty.

- Phần tiền thưởng còn lại 10% hàng năm được lập thành quỹ tiền thưởng nhiệm kỳ, dùng để thưởng khi kết thúc nhiệm kỳ theo mức độ hoàn thành nhiệm vụ theo Khoản 3 Điều 11 Thông tư 19/2013/TT-BLĐTBXH.

Điều 5. Thời hạn thanh toán lương

- Hàng tháng viên chức quản lý được tạm ứng 80% quỹ tiền lương kế hoạch hoặc quỹ tiền lương đã được duyệt và được trả trực tiếp cho viên chức quản lý vào ngày giữa tháng và cuối tháng.

- Nếu thời điểm thanh toán trùng với các ngày nghỉ hàng tuần hoặc ngày nghỉ lễ Công ty sẽ trả lương vào ngày làm việc gần kề trước đó.

CHƯƠNG IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 6. Tổ chức thực hiện

- Phòng Tổ chức - Hành chính Quản trị phối hợp với Phòng Kế toán - Tài vụ xây dựng quỹ lương kế hoạch của viên chức quản lý Công ty. Phòng Kế toán - Tài vụ thực hiện chi trả lương, thưởng, thù lao... hàng tháng theo đúng quy chế này.

- Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh các vấn đề chưa quy định trong quy chế này thì áp dụng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 7. Thẩm quyền sửa đổi, bổ sung quy chế

Việc sửa đổi, bổ sung quy chế này do Chủ tịch đề nghị, Hội đồng thành viên thông qua.

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 10